

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2026

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Nam

Ông Bàn Tiến Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phương Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại Phòng xét xử số 02 Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 128/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 về việc Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Triệu Văn B, sinh năm 1978, nơi cư trú: Thôn 6, xã P, tỉnh Đồng Nai. Căn cước số: 0200780*****, ngày cấp *****, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lâm Thị T, sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 0201750*****, ngày cấp: *****, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2026 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Triệu Văn B trình bày:

Ông Triệu Văn B kết hôn với bà Lâm Thị T vào năm 1997, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn ngày 01/10/2002 tại UBND xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn, vợ chồng làm nhà riêng chung sống cùng nhau tại thôn B, xã T, tỉnh Lạng

Son. Cuộc sống vợ chồng ban đầu tương đối hạnh phúc, sinh được 02 con chung là Triệu Văn L và Triệu Thị Đ. Từ năm 2011 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bà Lâm Thị T thường xuyên chửi bới, xúc phạm, gây gổ với chồng nên ông Triệu Văn B phải bỏ nhà đi làm thuê, đánh cá, thi thoảng mới về nhà. Mỗi lần ông Triệu Văn B về nhà, bà Lâm Thị T bực dọc chửi chồng nên ông Triệu Văn B lại bỏ đi làm. Cuộc sống vợ chồng trở nên lạnh nhạt, không còn tiếng nói chung. Từ năm 2014 ông Triệu Văn B bỏ nhà đi vào huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai) làm thuê, sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông Triệu Văn B yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bà Lâm Thị T. Về con chung: Có 02 con chung tên là Triệu Văn L, sinh ngày 23/7/1998 và Triệu Thị Đ, sinh ngày 02/11/1999. Hiện nay anh Triệu Văn L đang làm đầu bếp ở tỉnh Bắc Ninh, chị Triệu Thị Đ đã lập gia đình riêng và đang làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh. Các con đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên ông Triệu Văn B không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Về vay nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2026, bị đơn Lâm Thị T trình bày: Bà Lâm Thị T kết hôn với ông Triệu Văn B vào năm 1998, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2002 tại UBND xã Y (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn). Từ năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Triệu Văn B đi làm thuê ít khi về nhà, cũng không gửi tiền về cho vợ con. Bà Lâm Thị T nghi ngờ chồng có người phụ nữ khác nhưng ông Triệu Văn B không thừa nhận. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng sống ly thân, không liên lạc gì với nhau. Bà Lâm Thị T không nhất trí ly hôn vì còn tình cảm với ông Triệu Văn B. Về con chung: Có 02 con chung tên là Triệu Văn L, sinh ngày 23/7/1998 và Triệu Thị Đ, sinh ngày 02/11/1999. Các con đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết. Về vay nợ chung: Không có.

Toà án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự. Tại Công văn số 398/UBND-VP ngày 08/5/2026, UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Ông Triệu Văn B có đăng ký kết hôn với bà Lâm Thị T ngày 01/10/2002, khoảng năm 2007 vợ chồng sống ly thân, vợ chồng có 02 con chung tên là Triệu Văn L, sinh ngày 23/7/1998 và Triệu Thị Đ, sinh ngày 02/11/1999. Tại biên bản xác minh ngày 05/6/2026, ông Mông Văn H là Trưởng thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn cho biết: Ông Triệu Văn B và bà Lâm Thị T kết hôn và chung sống tại thôn B, xã T; từ năm 2012 ông Triệu Văn B đi làm thuê ở xã T, tỉnh Lạng Sơn, từ năm 2015 đến nay ông Triệu Văn B đi làm ở miền Nam, ít khi về nhà, khi về thì chỉ về nhà bố mẹ đẻ nên vợ chồng ly thân từ năm 2012 đến nay.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 08/6/2026, tuy nhiên ông Triệu Văn B, bà Lâm Thị T đều vắng mặt và có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, ông Triệu Văn B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tổ tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tổ tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Văn B, xử cho ông Triệu Văn B được ly hôn bà Lâm Thị T. Về con chung: Có 02 con chung tên Triệu Văn L, sinh ngày 23/7/1998 và Triệu Thị Đ, sinh ngày 02/11/1999, các con đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do không ai yêu cầu. Về vay nợ chung: Không có. Về án phí: Buộc ông Triệu Văn B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp ly hôn, bị đơn cư trú tại thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy ông Triệu Văn B và bà Lâm Thị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2002 tại UBND xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (*nay là UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn*) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Nguyên đơn trình bày vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều năm do bà Lâm Thị T thường xuyên chửi bới, gây gổ với chồng nên ông Triệu Văn B phải bỏ đi làm thuê từ năm 2011, ít khi về nhà. Từ năm 2014 đến nay ông Triệu Văn B đi làm thuê ở miền Nam, không về nhà lần nào, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Xác định không còn tình cảm vợ chồng nên ông Triệu Văn B kiên quyết yêu cầu ly hôn với bà Lâm Thị T. Bà Lâm Thị T không nhất trí ly hôn nhưng thống nhất trình bày vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2012, không quan tâm liên lạc gì với nhau nữa. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để cho các đương sự có cơ hội hoà giải với nhau, hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng ông Triệu Văn B và bà Lâm Thị T đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hoà giải. Tại phiên tòa hôm nay, ông Triệu Văn B và bà Lâm Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, thể hiện không có nguyện vọng đoàn tụ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa ông Triệu Văn B và bà Lâm Thị T đã trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Triệu Văn B.

[3] Về con chung: Ông Triệu Văn B và bà Lâm Thị T có 02 con chung tên là Triệu Văn L, sinh ngày 23/7/1998 và Triệu Thị Đ, sinh ngày 02/11/1999. Hiện nay các con chung đều đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu

[5] Về vay nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự trình bày không có.

[6] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn tại phiên toà phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Triệu Văn B là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn, không yêu cầu miễn án phí nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Triệu Văn B được ly hôn bà Lâm Thị T.

2. Về con chung: Ông Triệu Văn B và bà Lâm Thị T có 02 con chung tên là Triệu Văn L, sinh ngày 23/7/1998 và Triệu Thị Đ, sinh ngày 02/11/1999. Hiện nay các con chung đều đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do không ai yêu cầu

4. Về vay nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Triệu Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận ông Triệu Văn B đã nộp đủ 300.000 đồng tiền án phí nêu trên theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001020 ngày 05/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hương